

Số: /NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

Chợ Đồn, ngày tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v thông qua nội dung, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện “Phương án hỗ trợ phát triển cây Chè hoa vàng giai đoạn 2023 - 2026”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ, về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông tại địa phương từ nguồn ngân sách tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành định mức kỹ thuật để áp dụng trong thực hiện các chương trình, dự án, các mô hình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Tờ trình số...../TTr-UBND ngày..... tháng..... năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo kết quả thẩm tra số:...../BC- BKTXH ngày.... tháng năm 2022 của Ban Kinh tế xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tham dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua thông qua nội dung, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện “Phương án hỗ trợ phát triển cây Chè hoa vàng giai đoạn 2023 - 2026” với những nội dung như sau:

1. Đối tượng thực hiện và điều kiện tham gia:

- Các tổ chức, cá nhân có đất đai, nhân lực lao động, trang thiết bị phục vụ sản xuất; có nhu cầu và cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật trồng cây Chè hoa vàng theo Phương án đề ra.

- Đối với cá nhân trồng từ 300 cây (0,1 ha) trở lên, liền khu đồi, nương.

- Đối với tổ chức (Hợp tác xã, Doanh nghiệp) trồng từ 3.000 cây (1,0 ha) trở lên, liền khu đồi, nương.

- Cam kết duy trì và nhân rộng diện tích sau khi tham gia thực hiện phương án.

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua cây giống, phân bón, thuốc Bảo vệ thực vật (*định mức thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ và Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn*). Kinh phí tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng, thâm canh Chè hoa vàng cho các hộ thực hiện phương án; tổng kết và công tác quản lý, chỉ đạo phương án theo quy định.

- Kinh phí tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng, thâm canh cây Chè hoa vàng cho các hộ thực hiện phương án; tổng kết và công tác quản lý, chỉ đạo phương án theo quy định.

3. Địa bàn, thời gian thực hiện:

3.1. Địa bàn thực hiện: Tại các xã Bình Trung, Nghĩa Tá, Đồng Thắng.

3.2. Thời gian thực hiện: 04 năm, từ năm 2023-2026.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách sự nghiệp kinh tế huyện.

5. Dự toán kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2023-2026

- Tổng dự toán thực hiện: **2.791.800.000,0** đồng (*Hai tỷ, bảy trăm chín mươi mốt triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh; (B/cáo)
- TT Huyện ủy; HĐND; UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan liên quan
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- UBND các xã thực hiện Phương án;

Gửi bản giấy:

- Sở Tư pháp;
- TT HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- Phòng Tài chính- kế hoạch;
- LĐ Văn phòng;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Ma Thị Na

PHƯƠNG ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ HOA VÀNG GIAI ĐOẠN 2023 - 2026

I. CÁC CĂN CỨ ĐỀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng phương án:

Cây Chè hoa vàng có tên khoa học là *Camellia* spp là một loài thực vật thuộc họ Chè (*Theaceae*), phân bố chủ yếu ở tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc và phía Bắc Việt Nam. Đây là loại cây quý hiếm nằm trong sách đỏ của Việt Nam và trong nhóm 10 loài thực vật quý hiếm.

Đặc điểm thực vật học của cây Chè hoa vàng là loại cây thân bụi hoặc thân gỗ nhỏ, cao 2 - 4 m, cành non màu nâu nhạt, có lông mịn, cành già nhẵn. Lá có cuống, dài từ 7 - 9 cm, nhẵn, phiến lá hình bầu dục thuôn hoặc bầu dục. Chiều dài lá từ 14,0 - 15,5 cm, rộng từ 5,0 - 7,0 cm; mặt trên phiến lá màu xanh đậm, láng bóng, không có lông; mặt dưới lá có màu xanh tím đỏ, không lông có nhiều điểm tuyến màu nâu đen, gốc lá hình nêm hoặc gần tròn, chóp lá có mũi nhọn, mép lá có răng cưa, cùn hoặc nhọn, cách nhau không đều và thưa dần về phía gốc lá. Hoa màu vàng, mọc ra từ đầu cành hoặc nách lá, đường kính hoa khi nở khoảng từ 3,5 - 4 cm. Cuống hoa dài 5 - 7 cm, lá bắc 5 mm, lá đài 5,0 mm hình móng hay gần tròn, có lông ở mặt trong và mép. Hoa gồm 11 - 12 cánh, gần tròn, trứng ngược hoặc bầu dục, dài 1,4 - 2,2 cm, cả hai mặt đều có lông các cánh hoa hợp với nhau và với bộ nhị 1 - 5 mm ở gốc. Bộ nhị cao 1,5 - 1,7 cm, hợp với vòng ngoài khoảng 9 mm chỉ nhị bên trong rời, có lông ở gốc. Bộ nhụy gồm 3 - 4 lá noãn, 3 - 4 ô, không lông. Vòi nhụy 3 hoặc 4, rời dài khoảng 2,2 cm, không lông. Quả hình cầu dẹt, khía 3 rãnh, đường kính 4 cm, cao 2,3 cm; Quả có 3 ô, 3 hạt trong mỗi ô, vỏ quả dày 2 mm. Hạt có dạng bán cầu hay nêm, dài 1,5 - 1,7 cm, vỏ hạt nhẵn.

Về giá trị sử dụng: Chè hoa vàng là loài có giá trị kinh tế cao nhất trong các loài thuộc họ Chè hoa vàng. Các sản phẩm bào chế từ Chè hoa vàng có tác dụng điều chỉnh các chất béo trong cơ thể, lượng đường trong máu, giải độc gan và thận. Nước sắc lá Chè hoa vàng có tác dụng điều hòa huyết áp, ức chế sự tụ tập của tiểu cầu, chống sự hình thành huyết khối gây tắc nghẽn mạch máu, phòng ngừa các chứng viêm, sưng, tạo hưng phấn thần kinh, lợi tiểu mạnh, ngăn ngừa xơ vữa động mạch máu, ức chế và tiêu diệt vi khuẩn, ngoài ra, Chè hoa vàng còn có tác dụng chống dị ứng và duy trì trạng thái bình thường của tuyến giáp. Với giá trị dược liệu cao, Chè hoa vàng ngày càng được giới y quan học tâm nghiên cứu và đã được ứng dụng trên nhiều quốc gia như Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Việt Nam; Những năm gần đây, giới chơi cây cảnh quan tâm đến các loài *Camellia* có hoa màu vàng chỉ phân bố ở Việt Nam và Trung Quốc.

Tại Việt Nam được xác định là trung tâm phân bố các loài thuộc *Camellia* và là một trong hai quốc gia trên thế giới (Việt Nam, Trung Quốc) hiện tại phát hiện 26 loài Chè hoa vàng mọc tự nhiên dưới tán rừng ở Tam Đảo - Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Yên Bái, Ninh Bình và Bắc Kạn... Hiện nay loài thực vật này được xem là loại cây quý hiếm nằm trong sách đỏ của Việt Nam cần được bảo tồn do việc khai thác tự do của người dân và tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến ngày càng suy giảm về số lượng. Hiện nay loài *Camelliapetelotii* được xem là loài Chè hoa vàng đẹp nhất trong các loài Chè hoa vàng, được rất nhiều người ngưỡng mộ, song song với bảo tồn trong điều kiện tự nhiên, các nghiên cứu nhân giống cũng được triển khai công tác bảo tồn, nhân giống các loài Chè hoa vàng ở Việt Nam cũng đã được triển khai chủ yếu với 3 loài Chè hoa vàng, trong đó có loài *Camelliapetelotii* nổi tiếng.

Tại tỉnh Bắc Kạn, cây Chè hoa vàng được tìm thấy trong rừng tự nhiên tại các huyện Ba Bể, Chợ Đồn. Số lượng cá thể được tìm thấy không nhiều, với giá bán khoảng 0,6 - 0,8 triệu đồng/kg hoa, nụ tươi cho thương lái đặt mua, nên khi tới mùa hoa người dân vào rừng khai thác kiệt quệ, thậm chí đánh cả gốc mang về bán làm cây cảnh. Việc khai thác quá mức dẫn đến nguy cơ suy kiệt nguồn tài nguyên quý hiếm có của tỉnh. Năm 2018 - 2020, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên đã triển khai Đề tài “Nghiên cứu đặc điểm sinh học và kỹ thuật gây, trồng cây Chè hoa vàng” (*Camellia* spp) từ đó xác định được các đặc điểm sinh học, lựa chọn được nguồn vật liệu Chè hoa vàng tại địa phương làm giống và xây dựng một số biện pháp kỹ thuật trong gây, trồng làm cơ sở cho việc bảo tồn và phát triển Chè hoa vàng thành sản phẩm hàng hóa có giá trị cao của tỉnh Bắc Kạn.

Tại huyện Chợ Đồn, cây Chè hoa vàng phân bố ở các xã phía Nam như Bình Trung, Nghĩa Tá, Lương Bằng, Yên Phong, Yên Mỹ; phía đông như Đồng Thắng, Phương Viên... Sản phẩm Chè hoa vàng của Hợp tác xã Hòa Thịnh (Nghĩa Tá) đã được công nhận là sản phẩm OCCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao cấp huyện, cấp tỉnh. Tuy nhiên diện tích Chè hoa vàng được một số hộ dân bảo vệ, trồng xen dưới tán rừng hoặc cây ăn quả, rải rác khoảng 9,8ha tại các xã trên. Những năm gần đây người dân thấy được hiệu quả từ khai thác Chè hoa vàng đã trồng tự phát diện tích trồng còn trồng nhỏ lẻ, manh mún chưa tập trung và chưa áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất như: Mật độ trồng, bón phân, cắt tỉa và chăm sóc... chưa hợp lý. Một số địa phương đã trồng Chè hoa vàng như xã Bình Trung, Đồng Thắng, tuy nhiên chưa xây dựng chuỗi giá trị cho sản phẩm chủ yếu bán hoa tươi cho các tư thương, nhưng giá bán không ổn định (giao động từ 400.000 - 600.000 đồng/kg nụ hoa tươi).

Xuất phát từ thực trạng nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn xây dựng “Phương án hỗ trợ phát triển cây Chè hoa vàng giai đoạn 2023 - 2026” nhằm hỗ trợ người dân phát triển diện tích cây Chè hoa vàng thành vùng tập trung, nâng cao hiệu quả khai thác cây Chè hoa vàng thành sản phẩm hàng hóa có giá trị cao của huyện.

2. Căn cứ pháp lý để xây dựng Phương án:

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ, về khuyến nông;

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo;

Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông tại địa phương từ nguồn ngân sách tỉnh Bắc Kạn;

Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành định mức kỹ thuật để áp dụng trong thực hiện các chương trình, dự án, các mô hình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển dược liệu tỉnh Bắc Kạn.

II. THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ HOA VÀNG CỦA HUYỆN

1. Thực trạng phát triển cây Chè hoa vàng trên địa bàn huyện

Bảng 01- Biểu tổng hợp diện tích cây Chè hoa vàng hiện có

TT	Xã	Diện tích (ha)		
		Tổng	Diện tích cho thu hoạch Hoa	Diện tích chưa cho thu hoạch Hoa
1	Bình Trung	2,2	1,0	1,2
2	Nghĩa Tá	4,5	3,5	1,0
3	Đông Thắng	3,1	0,1	3,0
Cộng		9,8	4,6	5,2

(Nguồn số liệu: Khảo sát thực tế tại địa phương tháng 8/2021)

Từ năm 2018 đến 2020 Trung tâm Nghiên cứu cây trồng ôn đới Miền núi phía Bắc Việt Nam, Đại học Nông lâm Thái Nguyên đã chủ trì thực hiện đề tài khoa học “Nghiên cứu đặc điểm sinh học và kỹ thuật gây, trồng cây Chè hoa vàng (Camellia spp) tại tỉnh Bắc Kạn” Đề tài đã xác định được thực trạng phân bố, khai thác và sử dụng cây Chè hoa vàng tại 02 huyện Ba Bể và Chợ Đồn làm cơ sở cho nghiên cứu và khai thác phát triển sản xuất.

Diện tích cây Chè hoa vàng trên địa bàn huyện Chợ Đồn hiện có khoảng 9,8 ha, trong đó tập trung chủ yếu tại các xã Bình Trung 2,2 ha, Nghĩa Tá 4,5 ha, Đồng Thắng 3,1 ha (trồng năm 2018). Tuy nhiên diện tích trồng cây Chè hoa vàng của các hộ nhỏ lẻ, rải rác chỉ khoảng từ 100 - 3.000 cây/hộ; chủ yếu cây mọc tự nhiên, xen với các cây trồng khác, chưa có sự đầu tư, thâm canh, chăm sóc, cắt tỉa... nên năng suất chưa cao, sản phẩm chủ yếu bán hoa tươi cho các thương, chưa tận dụng được nguồn lá có sẵn để chế biến Chè khô dạng túi lọc, Chè mát tra...

Với các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và điều kiện sinh thái của cây Chè hoa vàng (trồng dưới tán rừng, ưa ẩm...) việc phát triển mở rộng diện tích trồng cây Chè hoa vàng tại các xã có điều kiện thích hợp với cây Chè hoa vàng, tận dụng các tán rừng tự nhiên, rừng sản xuất để nhân rộng là rất phù hợp.

2. Tiềm năng phát triển cây Chè hoa vàng giai đoạn 2023 - 2026

Bảng 02 - Tiềm năng phát triển cây Chè hoa vàng

TT	Xã	Diện tích đã có cây Chè hoa vàng (ha)	Diện tích còn khả năng phát triển (ha)
1	Bình Trung	2,2	10,0
2	Nghĩa Tá	4,5	12,0
3	Đồng Thắng	3,1	8,0
Tổng		9,8	30

Thực trạng tiêu thụ Chè hoa vàng trên thị trường hiện nay:

Cây Chè hoa vàng có tác dụng đặc biệt trong điều trị ngăn ngừa nhiều loại bệnh như mỡ máu, tiểu đường, phòng chống ung thư, ức chế sự phát triển của tế bào lạ... nên thị trường tiêu thụ sản phẩm có nguồn gốc từ Chè hoa vàng rất rộng. Sản phẩm Chè hoa vàng sử dụng trực tiếp từ hoa và lá để uống, làm nguyên liệu chế biến sản phẩm dược. Hiện nhiều công ty trong nước, nước ngoài như trung Quốc tìm kiếm thu mua sản phẩm Chè hoa vàng và thương mại hóa với giá rất cao từ với 7 - 8 triệu đồng/kg hoa khô.

Trong khi đó nguồn Chè hoa vàng trong tự nhiên ngày càng suy giảm do việc khai thác tự do của người dân. Việc trồng thâm canh mới được bắt đầu ở một số địa phương và quy mô chưa lớn. Do vậy thị trường tiêu thụ sản phẩm Chè hoa vàng hiện nay và tương lai có triển vọng lớn.

Các sản phẩm có nguồn gốc từ Chè hoa vàng đã được sử dụng ở nhiều nước trên thế giới. Hiện nay tại Việt Nam nói chung và tại tỉnh Bắc Kạn đã có một số cơ sở sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc từ Chè hoa vàng và bước đầu đã nhận được những tín hiệu tích cực từ thị trường và người tiêu dùng.

Tuy nhiên, sản phẩm Chè hoa vàng ở nước ta hiện nay chủ yếu được khai thác từ nguồn sẵn có trong tự nhiên với số lượng và chất lượng chưa thật sự ổn định, do vậy Phương án sau khi triển khai sẽ là bước thúc đẩy cho loại cây trồng có giá trị cao này ngày càng phát triển ổn định.

III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Phát triển diện tích cây Chè hoa vàng thành vùng trồng tập trung, xây dựng mối liên kết tiêu thụ sản phẩm (từ hoa, lá, quả,...) có thu nhập ổn định, góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Trồng mới 30,0 ha diện tích cây Chè hoa vàng trên địa bàn huyện, trong đó tập chung tại các xã Bình Trung, Nghĩa Tá, Đồng Thắng.

- Giống đảm bảo chất lượng, được áp dụng kỹ thuật chăm sóc phù hợp, tỷ lệ sống $\geq 80\%$, cây sinh trưởng tốt.

- Tập huấn kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc cây Chè hoa vàng: 08 lớp với 240 người dân được tập huấn kỹ thuật, áp dụng được vào thực tế.

- Xây dựng 01 chuỗi liên kết (thành lập mới hoặc liên kết với Hợp tác xã về bao tiêu sản phẩm Chè hoa vàng).

2. Nội dung thực hiện Phương án

2.1. Quy mô diện tích, thời gian và địa điểm thực hiện:

- Quy mô diện tích: 30 ha

- Thời gian thực hiện: 04 năm, từ năm 2023-2026.

- Địa điểm: Trồng Chè hoa vàng tại các xã Bình Trung, Nghĩa Tá, Đồng Thắng, khuyến khích bà con trồng mới và nhân rộng diện tích, áp dụng kỹ thuật thâm canh để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

*Bảng 03 - Kế hoạch phát triển diện tích cây Chè hoa vàng 04 năm thực hiện
Phương án:*

STT	Năm	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	2023	4	Bình Trung, Nghĩa Tá, Đồng Thắng.
2	2024	10	
3	2025	10	
4	2026	6	
	Tổng	30	

2.2. Đối tượng thực hiện:

Các tổ chức, cá nhân có đất đai, nhân lực lao động, trang thiết bị phục vụ sản xuất; có nhu cầu và cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật trồng cây Chè hoa vàng theo Phương án đề ra.

2.3. Điều kiện tham gia:

- Đối với cá nhân trồng từ 300 cây (0,1 ha) trở lên, liền khu đồi, nương.
- Đối với tổ chức (Hợp tác xã, Doanh nghiệp) trồng từ 3.000 cây (1,0 ha) trở lên, liền khu đồi, nương.
- Cam kết duy trì và nhân rộng diện tích sau khi tham gia thực hiện phương án.

2.4. Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 50% kinh phí mua cây giống, phân bón, thuốc Bảo vệ thực vật (*định mức thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ và Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn*). Kinh phí tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng, thâm canh Chè hoa vàng cho các hộ thực hiện phương án; tổng kết và công tác quản lý, chỉ đạo phương án theo quy định.

2.5. Phương thức hỗ trợ:

- Hỗ trợ sau đầu tư.
- Hỗ trợ 01 lần cho diện tích trồng cây Chè hoa vàng, không hỗ trợ đối với những diện tích đã, đang thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất Chè hoa vàng thuộc các chương trình, dự án khác.

2.6. Dự toán kinh phí thực hiện:

Tổng dự toán thực hiện: 5.121.300.000 đồng (*Năm tỷ, một trăm hai một triệu ba trăm nghìn đồng./.*), trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 2.791.800.000,0 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm chín mươi một triệu tám trăm nghìn đồng*)

- Nhân dân đối ứng: 2.329.500.000,0 đồng (*Hai tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng*)

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp kỹ thuật chuyển giao:

Giao Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Chợ Đồn chủ trì phối hợp với các cơ quan, Đơn vị và chính quyền địa phương tổ chức chuyển giao quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng chăm sóc cây Chè hoa vàng thông qua:

- Trước khi triển khai trồng tiến hành tập huấn kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc cây Chè hoa vàng cho các hộ dân tham gia Phương án.

- Hình thức tổ chức: Lý thuyết kết hợp thực hành, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực tiếp biên soạn tài liệu, thuyết giảng tại hội trường, sau đó hướng dẫn học viên trực tiếp tại thực địa.

2. Giải pháp kỹ thuật trồng trọt:

2.1. Cây giống:

- Giống Chè hoa vàng được sản xuất bằng phương pháp giâm hom hoặc từ hạt.

- Nguồn gốc: Giống Chè hoa vàng được tuyển chọn từ các cây có năng suất, chất lượng tại địa phương (các hộ dân tự tuyển chọn từ những cây có năng suất, chất lượng ổn định để nhân giống, có thể giâm cành hoặc gieo ươm bằng hạt).

2.2. Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Chè hoa vàng:

2.2.1. Trồng theo đường đồng mức: Bố trí hàng tùy thuộc vào địa hình, độ dốc. Bố trí hàng Chè hoa vàng thẳng theo hàng dài nhất, song song với đường đồng mức.

2.2.2. Cây bóng mát: Cây Chè hoa vàng ưa bóng, có thể trồng thích hợp dưới tán cây rừng (vầu, nứa, cây gỗ lớn...) hoặc cây ăn quả, do vậy đây là một lợi

thể trong việc bố trí tận dụng không gian, đất đai để thực hiện trồng xen Chè hoa vàng có hiệu quả.

2.2.3. Tiêu chuẩn cây giống: Thời gian trong vườn ươm từ 8 tháng trở lên, chiều cao cây từ 25 cm trở lên. Số lá thật trên 4 lá thật, đường kính gốc > 0,3 cm. Thân hoá nâu > 1/3. Lá có màu xanh vàng sáng, sạch sâu bệnh, cây được bấm ngọn trước khi xuất vườn. Chọn cây mẹ khỏe mạnh, không bị sâu bệnh, cành không mang hoa và nụ, cắt cành bánh tẻ (một phần hóa gỗ) để làm hom giống.

3.2.4. Thời vụ, phương thức, mật độ trồng:

- Thời vụ trồng: Từ tháng 2 - 4 và tháng 8 - 9 hàng năm
- Phương thức trồng: Trồng dưới tán cây có độ che phủ ánh sáng khoảng 40 - 60 %.
- Mật độ trồng: 3.000 cây/ha, khoảng cách hàng cách hàng = 2,0 m, cây cách cây = 1,6 m. Hố trồng, đối với cây giống được giâm bằng hom, kích thước hố sâu 35 - 40 cm rộng 45 - 50 cm; trồng trực tiếp bằng hạt, sâu 10 - 15 cm rộng 20 - 25 cm.

2.2.5. Kỹ thuật trồng:

Hướng dẫn các hộ phát dọn hiện trường để trồng Chè hoa vàng; cuốc hố, bón phân lót, lấp hố ủ phân trước khi trồng khoảng 30 ngày; khi tiến hành trồng, bổ hốc ở giữa hố, sâu 20 - 25 cm (tùy thuộc vào đường kính bầu cây). Khi trồng đặt bầu thẳng đứng, phiến lá đón ánh sáng mặt trời phía đông, xuôi theo chiều gió chính càng tốt; lấp đất, nén đất đều xung quanh bầu, cỏ rế thấp hơn mặt đất 1 - 3 cm. Sau trồng nên phủ cỏ, rơm khô để tủ gốc giữ ẩm, dày 8 - 10 cm, rộng 20 - 30 cm mỗi bên; cắm cây che bóng; khi nóng khô hạn cần tưới nước đủ ẩm cho cây.

Chú ý: Khi vận chuyển hom bầu từ vườn đến nơi trồng hoặc lúc xé túi PE (túi bầu) không làm vỡ bầu; khi trồng không để rễ Chè hoa vàng tiếp xúc trực tiếp với phân bón, trồng xong tủ gốc bằng lá cây, cỏ khô để giữ ẩm cho cây mới trồng.

2.2.6. Chăm sóc: Cây Chè hoa vàng sau trồng, cần thường xuyên làm sạch cỏ dại xung quanh gốc, để cây không bị cạnh tranh dinh dưỡng, cây sinh trưởng, phát triển nhanh;

Xới đất xung quanh gốc cây, kết hợp bón phân 02lần/năm, vụ Xuân tháng 1 - 2 và vụ Thu tháng 8 - 9

2.2.7. Bón phân:

- Bón phân cho cây Chè hoa vàng thời kỳ kiến thiết cơ bản

Bảng 04 - Lượng phân bón 3 năm đầu

TT	Năm	Lượng phân (kg/ha)			
		Phân chuồng hoai mục	Lân Supe	Đạm Urê	Kali Clorua
1	Năm thứ nhất	15.000	500	400	200
2	Năm thứ hai	15.000	400	550	550
3	Năm thứ ba	15.000	400	600	600

(Định mức áp dụng theo Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành định mức kỹ thuật để áp dụng trong thực hiện các chương trình, dự án, mô hình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn)

- Đối với phân vô cơ: Số lần bón từ 2-3 lần/năm. Cách bón cuốc rãnh xung quanh gốc Chè, sâu 10- 15 cm, cách gốc khoảng từ 25 - 35 hoặc 40 cm (*tùy thuộc vào năm sau trồng và sự sinh trưởng của cây*). Trộn đều các loại phân trước khi bón sau đó lấp đất kín phân bón.

3. Giải pháp về đất đai: Chuyển đổi đất trồng các loại cây trồng khác hiệu quả kinh tế thấp; Trồng dưới tán rừng, cây ăn quả lâu năm.

4. Giải pháp liên kết tiêu thụ sản phẩm:

- Trong quá trình triển khai Phương án (*dự kiến đến năm 2025*), đơn vị chủ trì phối hợp với các cá nhân, Hợp tác xã, Doanh nghiệp trong và ngoài huyện (thành lập mới hoặc hiện có) xây dựng liên chuỗi liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ chi phí thiết kế mẫu mã bao bì, nhãn mác sản phẩm, hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết, hỗ trợ vốn đầu tư máy móc, trang thiết bị, hỗ trợ kinh phí thẩm định, phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (áp dụng thực hiện cơ chế theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn).

5. Giải pháp về sử dụng kinh phí:

- Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế huyện.

- Lồng ghép nguồn vốn từ các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, chương trình khuyến nông...

- Các tổ chức Chính trị - xã hội phối hợp tin cậy với Ngân hàng chính sách xã hội có chính sách cho vay đối với các đối tượng thực hiện phương án.

6. Giải pháp về công tác tuyên truyền:

Cấp ủy, chính quyền; các cơ quan chuyên môn; các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội từ huyện đến cơ sở, tích cực phối hợp trong việc chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về mục tiêu, nội dung, chính sách của Phương án thông qua các phương tiện truyền thông, lồng ghép với các cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn; vận động người dân thay đổi phương thức sản xuất từ quy mô nhỏ lẻ sang hình thức tập trung như Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Doanh nghiệp liên kết sản xuất để tạo thành vùng sản xuất hàng hóa sản phẩm đặc trưng của địa phương, nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm.

V. DỰ TÍNH HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN

1. Hiệu quả xã hội

- Khuyến khích thu hút các cá nhân, Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng các mối liên kết để phát triển chuỗi giá trị Chè hoa vàng, tạo ra sản phẩm có thương hiệu trên thị trường.

- Tạo được việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phương án sẽ góp phần thúc đẩy bà con chuyển đổi trồng cây hàng năm khác như cây ngô, cây sắn... có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cây Chè hoa vàng; mang lại những hiệu quả tích cực cho người nông dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng giá trị kinh tế trên cùng một đơn vị diện tích đất nông nghiệp.

2. Hiệu quả môi trường

- Chè hoa vàng là cây trồng có nguồn gốc tự nhiên, lá xanh quanh năm, khả năng che phủ tốt. Do vậy phát triển Chè hoa vàng vừa tạo thu nhập cho người dân vừa nâng cao độ che phủ, đặc biệt là với những vùng đất đồi, dốc góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

- Cây Chè hoa vàng có hoa đẹp, màu vàng đơm, lá to xanh đậm quanh năm, thân gỗ nhỏ, ra hoa nhiều đợt kéo dài trong năm nên có thể trồng làm cây cảnh, gắn với du lịch, thăm quan các di tích lịch sử vùng ATK Chợ Đồn.

- Góp phần bảo tồn cây Chè hoa vàng do người dân khai thác bừa bãi, tận diệt đối với loại cây trồng có giá trị kinh tế cao tại địa phương.

2. Hiệu quả kinh tế:

Bảng 05: Dự tính hiệu quả kinh tế 1,0 ha trồng Chè hoa vàng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Trong đó:	
						Nhà nước hỗ trợ 50%	Nhân dân đối ứng 50%
1	Chi phí giống, vật tư phân bón cho 01 ha	ha	1		155.300.000	77.650.000	77.650.000
-	Cây giống	Cây	3.000	45.000	135.000.000	67.500.000	67.500.000
-	Đạm Ure	kg	400	25.000	10.000.000	5.000.000	5.000.000
-	Lân Supe	kg	500	10.000	5.000.000	2.500.000	2.500.000
-	Kali clorua	kg	200	25.000	5.000.000	2.500.000	2.500.000
-	Thuốc BVTV	ha	1	300.000	300.000	150.000	150.000
2	Nhân dân đối ứng (Công làm đất, trồng, chăm sóc, thu hoạch)	công	475	200.000	95.000.000		95.000.000
Tổng chi phí					250.300.000	77.650.000	172.650.000
Tổng thu (tính cây có nụ hoa từ năm thứ 7 sau trồng: 0,7kg/cây x 3.000 cây/ha)		kg	2100	400.000	840.000.000		
Lợi nhuận = thu - chi		Đồng			589.700.000		

Qua bảng dự toán hiệu quả kinh tế (sau trồng 6-7 năm đối với cây trồng được giâm hom; 8 - 9 năm đối với cây gieo từ hạt); Cây bắt đầu vào giai đoạn kinh doanh; được chăm sóc đúng kỹ thuật, Tỷ lệ cây sinh trưởng phát triển tốt, đồng đều đạt 100%; ước tính trung bình thu được từ 0,7 - 1,5 kg nụ hoa/cây (mật độ 3.000 cây/ha, sẽ thu được sản lượng khoảng 2.100 - 3.000 kg/ha; với giá bán (năm 2021) 400.000đ/kg (tươi), giá trị thu được là 840 triệu - 1,8 tỷ đồng/ha trừ chi phí phân bón và công chăm sóc khoảng 250 triệu đồng/năm; lợi nhuận thu được từ 560 triệu

- 1,5 tỷ đồng/ha/năm. Sản lượng và hiệu quả kinh tế sẽ tăng khi cây phát triển cành tán rộng theo từng năm).

Như vậy phát triển cây Chè hoa vàng góp phần thúc đẩy sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp của huyện, qua đó làm tăng hiệu quả kinh tế của sản xuất, tăng thu nhập cho người dân.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân huyện giao các cơ quan, đơn vị liên quan của huyện; UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện Phương án:

1. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp:

- Chủ trì, tham mưu, phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện và đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Phương án;

- Phân công cán bộ chuyên môn phụ trách theo dõi Phương án, tổng hợp báo cáo; chủ động đề xuất các biện pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc để kịp thời giải quyết;

- Hỗ trợ các tổ chức xây dựng kế hoạch liên kết, đảm bảo, cam kết thu mua tiêu thụ hoặc sơ chế tạo thành hàng hóa đặc trưng của địa phương.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Hàng năm cân đối nguồn ngân sách, tham mưu giao kinh phí cho các đơn vị thực hiện theo dự toán, kế hoạch của huyện và hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng: Đầu mối liên kết, kết nối các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia quảng bá, giới thiệu sản phẩm Occop tại các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh.

5. Phòng Văn hóa và Thông tin: Hướng dẫn các Doanh nghiệp, Hợp tác xã đưa các sản phẩm hàng hóa đủ điều kiện thực hiện giao dịch bán trên các sàn thương mại điện tử.

6. Ủy ban MTTQ và các Tổ chức đoàn thể:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở phối hợp tuyên truyền, vận động các hội viên tham gia thực hiện tốt Phương án.

- Phối hợp tuyên truyền vận động các hộ thay đổi phương thức sản xuất từ quy mô hộ sang hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, liên kết sản xuất để tăng hiệu quả sản xuất cũng như tiếp cận các nguồn lực.

7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Xây dựng kế hoạch, phân giao chỉ tiêu và nhiệm vụ cho các tổ chức đoàn thể triển khai, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện Phương án, gắn với kết quả thi đua, đánh giá thực hiện nhiệm vụ hàng năm;

- Chỉ đạo công chức địa chính nông lâm xã, phối hợp với các cơ quan chuyên môn phụ trách tổ chức triển khai và tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện Phương án hiệu quả;

- Phân công cán bộ phụ trách trực tiếp theo dõi Phương án. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các hộ áp dụng đúng quy trình kỹ thuật; thông tin, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện, những khó khăn, vướng mắc về Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện để có biện pháp phối hợp chỉ đạo kịp thời.

8. Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Phương án:

- Chuẩn bị các điều kiện thực hiện như đất đai; kinh phí đầu tư ban đầu để mua giống và vật tư nông nghiệp đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật trồng cây Chè hoa vàng theo phương án đề ra;

- Cam kết duy trì và nhân rộng diện tích sau khi kết thúc phương án;

- Hoàn thiện các chứng từ thanh quyết toán theo quy định của nhà nước.

Trên đây là nội dung “Phương án hỗ trợ phát triển cây Chè hoa vàng giai đoạn 2023 - 2026” của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn./.

DỰ TOÁN KINH PHÍ PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ HOA VÀNG GIAI ĐOẠN 2023-2026

(Kèm theo Phương án hỗ trợ phát triển cây Chè hoa vàng giai đoạn 2023-2026 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (nghìn)	Tổng dự toán kinh phí (nghìn)	Trong đó		Nguồn kinh phí phân kỳ theo các năm								Ghi chú
						NSNN hỗ trợ 50%	Nhân dân đóng góp 50%	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Năm 2026		
								Số lượng	Thành tiền (nghìn)	Số lượng	Thành tiền (nghìn)	Số lượng	Thành tiền (nghìn)	Số lượng	Thành tiền (nghìn)	
I	Nội dung hỗ trợ				4.914.500	2.585.000	2.329.500		322.900		788.200		788.200		685.700	
1	Giống, phân bón, thuốc BVTV	ha	30		4.659.000	2.329.500	2.329.500	4	310.900	10	776.200	10	776.200	6	466.200	- Theo QĐ 1449/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc ban hành định mức kỹ thuật để áp dụng trong thực hiện các chương trình, dự án, mô hình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn - Khoản b, Điều 8, Nghị quyết 08/2019/MQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn
1.1	Cây giống (3.000 cây/ha)	Cây	90.000	45	4.050.000	2.025.000	2.025.000	12.000	270.000	30.000	675.000	30.000	675.000	18.000	405.000	
1.2	Đạm Ure (400kg/ha)	kg	12.000	25	300.000	150.000	150.000	1.600	20.000	4.000	50.000	4.000	50.000	2.400	30.000	
1.3	Lân Supe (500kg/ha)	kg	15.000	10	150.000	75.000	75.000	2.000	10.000	5.000	25.000	5.000	25.000	3.000	15.000	
1.4	Kali clorua (200kg/ha)	kg	6.000	25	150.000	75.000	75.000	800	10.000	2.000	25.000	2.000	25.000	1.200	15.000	
1.5	Thuốc BVTV (300.000đ/ha)	Nghìn	30	300	9.000	4.500	4.500	6	900	8	1.200	8	1.200	8	1.200	
2	Tập huấn kỹ thuật	Lớp	8		48.000	48.000		2	12.000	2	12.000	2	12.000	2	12.000	mục e, khoản 1, điều 3, Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND tỉnh
2.1	Thủ lao giảng viên	Người	8	1.200	9.600	9.600		2	2.400	2	2.400	2	2.400	2	2.400	
2.2	Thủ lao trợ giảng	Người	8	600	4.800	4.800		2	1.200	2	1.200	2	1.200	2	1.200	

2.3	Hỗ trợ học viên tham gia tập huấn	Người	240	100	24.000	24.000			60	6.000	60	6.000	60	6.000	60	6.000	Mục c, khoản 4, Điều 12, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính
2.4	Giải khát giữa giờ cho học viên	Người	240	20	4.800	4.800			60	1.200	60	1.200	60	1.200	60	1.200	Khoản 3, Điều 12, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính
2.5	Tài liệu cho học viên	Bộ	240	10	2.400	2.400			60	600	60	600	60	600	60	600	Điều 11, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính
2.6	Văn phòng phẩm (cấp báp, bút, vở ghi chép)	Bộ	240	10	2.400	2.400			60	600	60	600	60	600	60	600	
3	Tổng kết Phương án(50 người/cuộc - tại huyện)	Mô hình	1			15.000									1	15.000	
3.1	Photo báo cáo tổng kết	Bộ	50	10	500	500											Điều 11, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính
3.2	Tiền ăn đại biểu không lương	Người	45	150	6.750	6.750									45	6.750	Mục c, khoản 4, Điều 12, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính
3.3	Hỗ trợ tiền đi lại cho đại biểu không lương	Người	45	150	6.750	6.750									45	6.750	
3.4	Giải khát giữa giờ	Người	50	20	1.000	1.000									50	1.000	Khoản 3, Điều 12, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính

4	Xây dựng chuỗi liên kết		1		385.000	192.500						1	192.500		
4.1	Chi phí thiết kế mẫu mã bao bì	Bộ	1	50.000	50.000	25.000						1	25.000	Theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị quyết 08/2020/NQ-HĐND ngày 24/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	
4.2	Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết	Đợt	1	40.000	40.000	20.000						1	20.000		
4.3	Hỗ trợ vốn đầu tư máy móc, trang thiết bị	Bộ	1	250.000	250.000	125.000						1	125.000		
4.4	Hỗ trợ kinh phí thẩm định, phân tích mẫu để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Bộ	1	45.000	45.000	22.500						1	22.500		
II	Chi phí quản lý phương án				206.800	206.800			25.832		63.056		63.056	54.856	Mục đ, khoản 1, Điều 33 Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018
1	Cơ quan quản lý	3 %			77.550	77.550			9.687		23.646		23.646	20.571	
2	Đơn vị thực hiện	5 %			129.250	129.250			16.145		39.410		39.410	34.285	
Tổng cộng I + II					5.121.300	2.791.800	2.329.500		348.732		851.256		851.256	740.556	

NSNN hỗ trợ viết bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm chín mươi một triệu tám trăm nghìn đồng./.